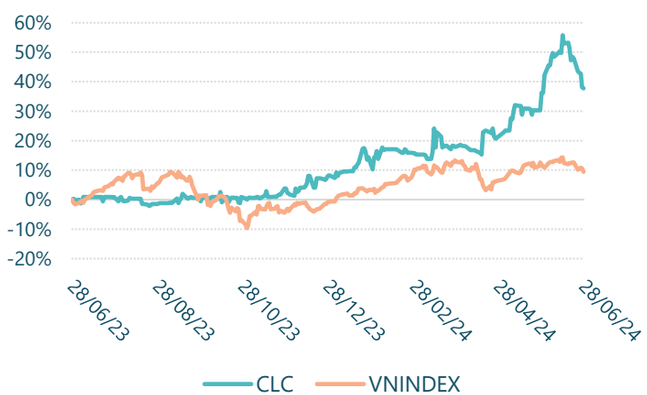
CTCP Cát Lợi (HSX: CLC)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	43,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.3%	**16.8%**	**28.9%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	31,034 - 49,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,145
Số lượng CPLH (CP)	26,207,583
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,420
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	0.37
EPS	6,407
P/E	6.8

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

922

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 1.0%

YoY: ▲ 264 | 40.2%

LN gộp

Q2/24

93.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.8 | -11.2%

YoY: ▲ 16.7 | 21.8%

LN trước thuế

Q2/24

43.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.0 | -18.8%

YoY: ▲ 4.50 | 11.4%

Nợ/VCSH

Q2/24

115%

YoY: +/-▲ 9.4%

ROE (TTM)

Q2/24

20.6%

YoY: +/-▲ 1.3%

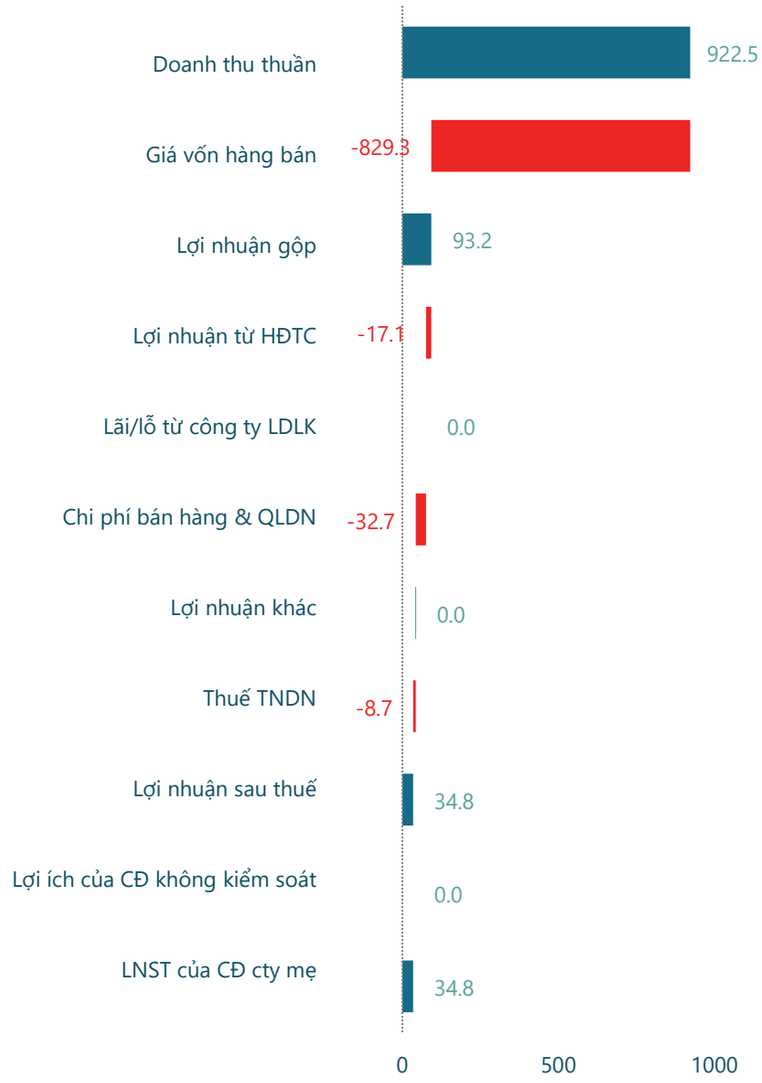
ROA (TTM)

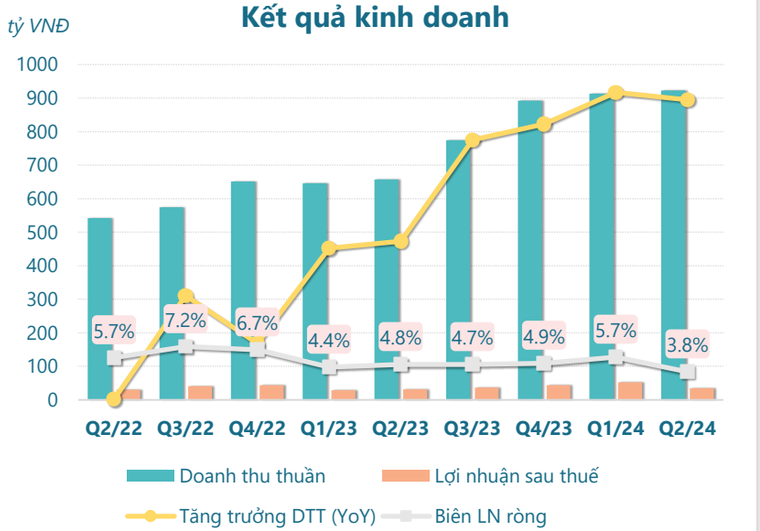
Q2/24

10.0%

YoY: +/-▲ 0.1%

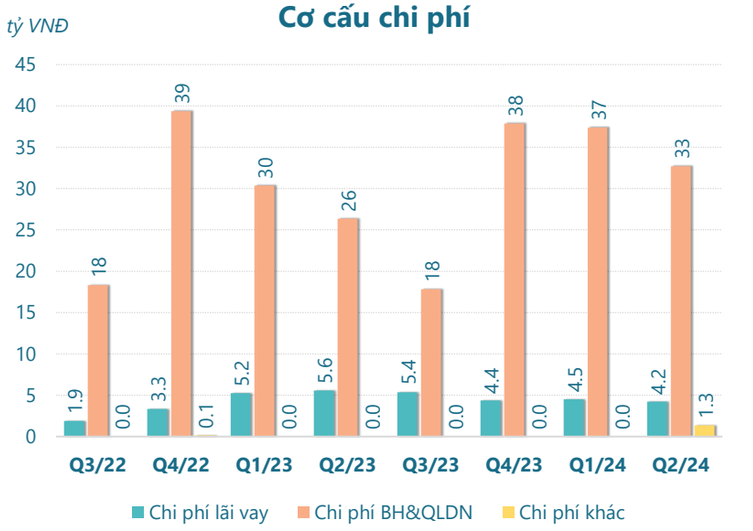
Kết quả kinh doanh Q2/24





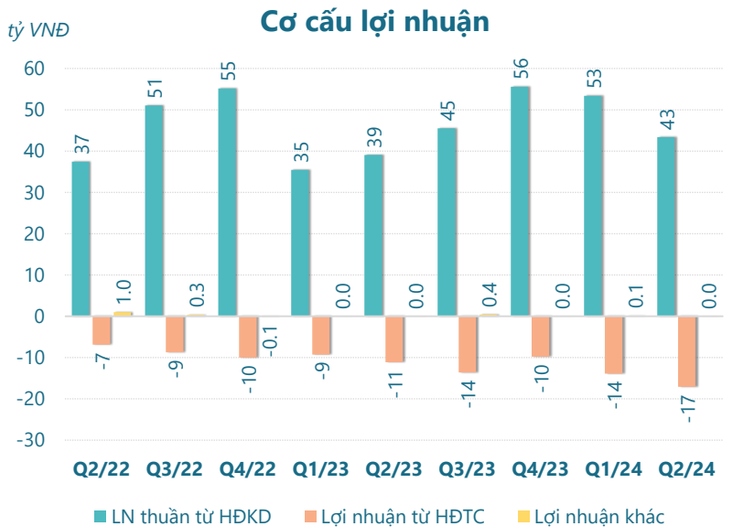
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 43.41 tỷ đồng**, giảm đi 18.6% so với kỳ trước và cao hơn 11.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 17.08 tỷ đồng** giảm đi 3.20 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 5.97 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.05 tỷ đồng**, giảm đi 58.3% so với kỳ trước và cao hơn 66.7% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **CLC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **922.5 tỷ đồng** tăng thêm **40.3%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 34.77 tỷ đồng**, **tăng trưởng 11.3%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,835 tỷ đồng** cao hơn 40.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 87.00 tỷ đồng** cao hơn 45.0% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **4.23 tỷ đồng** giảm đi 6.21% so với kỳ trước và thấp hơn 23.9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **32.70 tỷ đồng** giảm đi 12.5% so với kỳ trước và cao hơn 24.1% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **1.35 tỷ đồng** tăng thêm 1.35 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 1.35 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Cát Lợi (HSX: CLC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**922**	**913**	**1.0%**	**658**	**40.2%**	**1,835**	**1,304**	**40.8%**
Giá vốn hàng bán	829	808	2.6%	581	42.7%	1,638	1,152	42.1%
Lợi nhuận gộp	93.2	105	-11.2%	76.5	21.8%	198	152	30.5%
Doanh thu HĐTC	1.83	0.54	240%	2.11	-13.0%	2.38	6.21	-61.7%
Chi phí TC	18.9	14.4	31.4%	13.2	43.3%	33.3	26.6	25.5%
Chi phí lãi vay	4.23	4.51	-6.1%	5.56	-23.9%	8.74	10.8	-19.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.21	8.52	8.1%	8.36	10.2%	17.7	16.1	9.8%
Chi phí QLDN	**23.5**	**28.8**	**-18.4%**	**18.0**	**30.5%**	**52.3**	**40.6**	**29.0%**
LN thuần từ HĐKD	43.4	53.3	-18.6%	39.0	11.3%	96.8	74.5	29.9%
Lợi nhuận khác	**0.05**	**0.12**	**-59.3%**	**0.03**	**62.8%**	**0.17**	**0.07**	**136%**
LN trước thuế	43.5	53.5	-18.8%	39.0	11.4%	96.9	74.5	30.0%
Lợi nhuận sau thuế	**34.8**	**52.4**	**-33.6%**	**31.2**	**11.4%**	**87.2**	**59.6**	**46.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**34.8**	**52.4**	**-33.6%**	**31.2**	**11.4%**	**87.2**	**59.6**	**46.2%**

